

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15 -12 -2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và ông Đậu Cao Nhu

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số hộ chiếu: K0045237. Số CCCD: 044192009842.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện trú tại: Số B, ngõ G, đường H, Quận P, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

Người ủy quyền nộp đơn: Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn F Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số CCCD: 040092011872.

Địa chỉ: Thôn C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị V, sinh năm 1970. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số CCCD: 044170001985

Địa chỉ: Thôn T, xã N (xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ), tỉnh Quỳnh Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn ngày 21/4/2020 tự nguyện và hợp pháp tại UBND xã Q, huyện Q nay là xã Q, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 15. Sau thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không thay đổi. Đời sống chung không thể hoà hợp, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/01/2012; Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 06/4/2020. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L1, cháu T2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Giao cháu T1 cho anh Thường trực T4 nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh thống nhất về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2025 do hai vợ chồng đi làm ăn có cãi nhau chuyện nhỏ nhặt nhưng chị L làm lớn chuyện, tự ý làm đơn ly hôn rồi gửi về tòa án cũng không nói cho anh biết. Tòa án đã thụ lý thì anh cũng đã gọi cho chị L để nói vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L đòi hỏi này nọ. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như nguyên đơn trình bày. Ly hôn anh có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Thị Hồng L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng T1 và Nguyễn Hoàng T2, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bà Cao Thị V trình bày:

Bà là mẹ của chị Hoàng Thị L. Hiện nay con gái bà đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An. Chị Hoàng Thị L vì hoàn cảnh nên phải xuất khẩu lao động sang Đài Loan nên không trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/01/2012. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hồng L1 đang ở với bà. Bà tự nguyện nuôi cháu L1 và không yêu cầu anh Nguyễn Đình T và chị Hoàng Thị L phải trả tiền nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hồng L1 xin được ở với mẹ và nguyện

vọng của cháu Nguyễn Hoàng T2 xin được ở với bố.

Kết quả xác minh tại ông Lê Văn T3, xóm T Q, xã Q: Anh Nguyễn Đình T và chị Hoàng Thị L có 03 con chung, ông cũng không biết rõ họ tên các cháu, nhưng từ trước đến nay thấy cháu đầu và cháu thứ hai con của anh T chị L sống với bố và ông bà nội. Thời gian gần đây thì thấy cháu đầu đi vào quê ngoại sống còn đưa cháu út khoảng 4 tuổi về đây sinh sống.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn tại UBND xã Q đúng quy định. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chính quyền địa phương không được biết vì không qua hòa giải cơ sở. Anh T và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/01/2012; Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 06/4/2020, theo thông tin cơ sở cho biết hiện tại cháu L1 đang ở với chị L ở quê ngoại còn cháu T1 và cháu T2 đang ở với bố tại Q, các con đều khỏe mạnh đi học bình thường. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 6 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình:

Về tình cảm: Cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình T

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đình Thường trực T4 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Hoàng T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Thị Hồng L1 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho nhau vì cả hai bên chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L có đơn khởi kiện ngày 05/8/2025 gửi tới Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn

với anh Nguyễn Đình T. Chị Hoàng Thị L hiện tại đang cư trú tại Đài Loan. Toàn bộ đơn khởi kiện và tài liệu chị L gửi kèm theo đều đã được chứng thực tại Văn phòng K tại Đ. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Nguyễn Đình T đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nay là thôn C, xã Q, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Nguyễn Đình T đang ở Việt Nam và đến Tòa án làm việc. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Đình T có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm từ lâu, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được; còn theo anh T thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì chỉ thời gian gần đây có cãi nhau, chị L làm lớn chuyện nên đã làm đơn ly hôn, anh cũng có gọi điện để chị L suy nghĩ lại, rút đơn để đoàn tụ vợ chồng nhưng chị L không thống nhất. Như vậy tuy hai bên trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, đời sống vợ chồng nhưng đều chứng tỏ chị L và anh T không còn tình cảm với nhau nữa, việc đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình là khó khăn; Chị L kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy cần xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/01/2012; Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 06/4/2020. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cháu L1 và cháu T2, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T1 và cháu T2. Cháu L1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ và cháu T1 xin được ở với bố. Cháu L1 đang sinh sống ổn định tại gia đình chị L và cháu T1, cháu T2 đang sinh sống, học tập ổn định với anh T. Do đó cần giao cháu L1 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị L đang ở nước ngoài, bà Cao Thị V là mẹ đẻ của chị L đang trực tiếp nuôi cháu L1 nên tạm giao cháu L1 cho bà V nuôi dưỡng. Đối với cháu T2, hiện nay đang được anh Thường trực T4 chăm sóc và nuôi dưỡng, đang học trường mầm non Q và

cháu T2 đang phát triển về thể chất và tinh thần tốt. Mặt khác hiện nay chị Hoàng Thị L đang ở nước ngoài không trực tiếp chăm sóc cháu T2 được. Nên cần tiếp tục giao cháu T2 cho anh Nguyễn Đình Thường trực T4 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị L.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/01/2012 cho chị Hoàng Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị L đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu Nguyễn Thị Hồng L1 cho bà Cao Thị V (là bà ngoại của cháu L1) nuôi dưỡng cho đến khi chị Hoàng Thị L về nước.

Giao con chung Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 06/4/2020 cho anh Nguyễn Đình Thường trực T4 nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T, chị L vì không ai yêu cầu.

Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Đình T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh N theo biên lai số 0001793 ngày 23/10/2025.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị Hoàng Thị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ. Anh Nguyễn Đình T, bà Cao Thị V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Lưu (xã Quỳnh Diễn cũ nơi ĐKKH);
- Đường sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ

tòa án nhân dân
chính quyền việt nam

cộng hòa xã hội

HUYỆN QUỲNH LƯU,
Sóc Lệp - Tù đo - H¹nh phóc
TỈNH NGHỆ AN

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đoá và bà Lê Thị Thanh Thủy

Tiến hành nghị án vụ án thô lý sè 332/2022/ TLST - HNGB,
ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia
đình" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Tuyết, sinh năm 2001

Nơi cư trú: Xóm 4, xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn Tuấn, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Xóm Đông Hồng, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ
An.

Căn cơ vào tài liệu và chứng cứ ®· ®-íc xem xét tài phiên
tọa, kết quả tranh luận tài phiên tọa, các quy định của pháp
luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về loại việc: Dân sự "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

2. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 51, các Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Biểu quyết: Nhất trí: 3/3.

3. Cách giải quyết các vấn đề yêu cầu:

Xö:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Tuyết và anh Hồ Văn Tuấn.

- Về con chung: Chị Đinh Thị Tuyết và anh Hồ Văn Tuấn chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị Đinh Thị Tuyết và anh Hồ Văn Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

Biểu quyết: Nhất trí 3/3.

4. Các vấn đề khác:

- Án phí: Chị Đinh Thị Tuyết phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0012598 ngày 02/11/2022. Trả lại cho chị Đinh Thị Tuyết số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Biểu quyết: Nhất trí 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 23 tháng 02 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đóa Lê Thị Thanh Thủy

Trần Ngọc Hà

